

## **CÔNG TÁC TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SƠN LA DƯỚI GÓC ĐỘ PHONG TỤC VÀ TẬP QUÁN CANH TÁC CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÙNG TÂY BẮC**

### **The Resettlement Son La Hydropower Project Perspective Practicces and Custom Farming Practices of Ethnic Minority Northwest**

Nguyễn Văn Quân<sup>1,3</sup>, Nguyễn Thị Vòng<sup>1</sup>, Trang Hiếu Dũng<sup>2</sup>, Nguyễn Tất Cảnh<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Tài Nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup> Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

<sup>3</sup> Nghiên cứu sinh trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: nvquan@hua.edu.vn

Ngày nhận bài: 31.10.2011; Ngày chấp nhận: 06.12.2011

#### **TÓM TẮT**

Mục đích của nghiên cứu nhằm tìm hiểu sự thay đổi về phong tục và tập quán canh tác của đồng bào dân tộc bị ảnh hưởng bởi các chương trình tái định cư, trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị góp phần ổn định đời sống của đồng bào dân tộc sau tái định cư. Nghiên cứu được triển khai trên địa bàn huyện Tủa Chùa, thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên. Kết quả điều tra 80 hộ dân tại 2 điểm tái định cư huyện Tủa Chùa và 100 hộ tại khu tái định cư thị xã Mường Lay cho thấy: (i) Tại các điểm tái định cư, qui mô thường là 100 hộ, diện tích đất thổ cư dao động từ 300 đến 500 m<sup>2</sup>. Dữ liệu tại các nơi ở cũ là 30 đến 50 hộ/bản, diện tích thổ cư từ 1.750 đến 3.000 m<sup>2</sup>. Ngoài những thay đổi về qui mô bản và diện tích đất thổ cư, cấu trúc bản làng tại điểm tái định cư cũng đã có những thay đổi so với nơi ở cũ. (ii) Tập quán canh tác của người dân đã thay đổi khi đến điểm tái định cư. Tại khu tái định cư, hình thức canh tác chủ yếu là nương rẫy cố định, bình quân mỗi hộ 1,6 ha. Điều này là khác biệt so với nơi ở cũ, với hệ thống canh tác nương rẫy luân canh quay vòng và diện tích bình quân mỗi hộ 3,4 ha hoặc canh tác lúa nước là chính. (iii) Hình thức di dân tại chỗ phần nào ít gây xáo trộn về phong tục tập quán hơn, diện tích đất canh tác nương rẫy, đất lâm nghiệp hầu như không thay đổi. Có thể nói công tác tái định cư cho đến nay chưa chú trọng đến phong tục và tập quán canh tác giữa nơi ở cũ và nơi ở mới dẫn đến việc ổn định đời sống của bà con gặp rất nhiều khó khăn.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, phong tục, tập quán sản xuất, tái định cư, thủy điện Sơn La.

#### **ABSTRACT**

This study was carried out in Tủa Chua district and Muong Lay town (Dien Bien province) in order to understand Northwest ethnic minority customs and farming changes related to resettlement program and to recommend appropriate solutions for better stable livelihood of local people affected by the program. 80 households in two resettlement areas in Tủa Chua district and 100 households in resettlement area of Muong Lay town were interviewed by the standard questionnaire. The results reveal that: (i) a resettlement area is often designed for 100 households with an average residential plot of 300 to 500 m<sup>2</sup>. In the past, local people were living in villages consisted of 30 to 50 households with a residential plot of 1.750 to 3.000 m<sup>2</sup>. In addition, the socioeconomic structure of the communities after resettlement has been changed to compare with the past. (ii) similarly, farming practices have also been changed after resettlement. For instance, in the new areas, permanent agriculture was dominant with average of 1.6 ha land per household. In the contrast, in former areas, agriculture was characterized by rotation swidden practices with an average area of 3.4 ha per household or paddy rice production. (iii) on-site resettlement schemes produced less negative impacts on farming practices and socioeconomic structure of resettled communities with almost no change in agricultural and forest land. This study recommends that the resettlement schemes without adequate consideration on local customs and ethnic characteristics have thus resulted in difficulties for the resettled communities.

Keywords: Customs, farming practices, Northwest ethnic minorities, resettlement, Son La Hydropower plant

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đặc thù của các dự án thủy điện là được triển khai xây dựng chủ yếu tại các tỉnh miền núi, nơi đồng bào dân tộc sinh sống theo cộng đồng với tập quán và nền văn hoá lâu đời. Việc di dời, tái định cư trong các công trình thủy điện khu vực miền núi khác biệt với các dự án giải phóng mặt bằng ở miền xuôi, đồng thời tạo nên nhiều biến động đến đời sống của người dân vùng chịu ảnh hưởng. Công trình thủy điện Sơn La có quy mô di chuyển dân để giải phóng mặt bằng rất lớn. Để có mặt bằng xây dựng công trình, theo báo cáo tổng hợp rà soát bổ sung quy hoạch tổng thể di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La thì phải di chuyển gần 18 nghìn hộ gia đình, bao gồm hàng chục vạn dân của 160 bản, thuộc 17 xã ở 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu (Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2008). Việc triển khai tái định cư cho người dân vùng lòng hồ thủy điện là rất khó khăn vì hầu hết người dân ở đây là các dân tộc khác nhau. Mỗi dân tộc có một nét riêng về phong tục và tập quán canh tác, trong khi đó hầu hết công tác tái định cư lại ít chú ý đến điều này nên kết quả là việc tái định cư không được người dân ủng hộ, dẫn đến tiến độ thực hiện các công trình rất chậm trễ.

Bài viết này trình bày kết quả tìm hiểu phong tục, tập quán canh tác của các dân tộc vùng Tây Bắc, trong đó các dân tộc chịu ảnh hưởng của tái định cư, công tác tái định cư đã và đang tiến hành tại các khu, điểm tái định cư, để từ đó có những đánh giá, nhận xét làm cơ sở cho các cấp chính quyền có biện pháp khắc phục những tồn tại của công tác tái định cư, đảm bảo ổn định cuộc sống của người dân tái định cư.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Phong tục tập quán bao gồm cấu trúc bản làng, nhà cửa, thiết chế xã hội và tập

quán canh tác của một số dân tộc vùng Tây Bắc bị ảnh hưởng bởi công tác tái định cư, cụ thể là dân tộc Thái, H'Mông, Dao tại 2 điểm tái định cư Huổi Lóng và Huổi Lực huyện Tủa Chùa và khu tái định cư thị xã Lay Nưa. Trong phạm vi nghiên cứu này không xét đến các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cũng như các chính sách khác của nhà nước phục vụ cho tái định cư công trình thủy điện Sơn La.

Nghiên cứu thực trạng tình hình canh tác của đồng bào dân tộc Tây Bắc, các hệ canh tác đang sử dụng trên địa bàn.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa vào 3 hình thức tái định cư, 3 điểm tái định cư đại diện cho 3 hình thức trên được lựa chọn gồm: Điểm tái định cư Huổi Lóng là di ven tại chỗ, điểm tái định cư Huổi Lực là điểm tái định cư mới, khu tái định cư thị xã Mường Lay vừa là xen ghép vừa là di ven tại chỗ.

Tiến hành điều tra 80 hộ trên 201 hộ thuộc 2 điểm tái định cư Huổi Lóng và Huổi Lực huyện Tủa Chùa và 100 hộ trên 199 hộ tại 4 bản Na Ka, Bản Bắc 1, Bắc 2, bản Ổ thuộc khu tái định cư thị xã Mường Lay. Xác định phong tục và tập quán canh tác của người Thái, H'Mông và Dao. Xác định các loại hình sử dụng đất và phương thức canh tác của đồng bào dân tộc.

Gửi báo cáo xin ý kiến đóng góp của các sở ban ngành trong tỉnh. Tổ chức các hội thảo tại Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh với các thành phần là cán bộ các ban ngành trong tỉnh, huyện.

So sánh về phong tục và tập quán canh tác của các dân tộc Thái, H'Mông Dao giữa nơi ở cũ và nơi ở mới. Tìm ra các điểm giống và khác nhau để từ đó có những nhận xét đánh giá khách quan.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Tìm hiểu phong tục tập quán và tập quán canh tác của một số dân tộc vùng Tây Bắc

##### 3.1.1. Phong tục tập quán của một số dân tộc vùng Tây Bắc

Người Thái có truyền thống định canh định cư theo bản, theo làng. Bản của người Thái, các ngôi nhà nằm kê sát bên nhau cạnh đồi núi trong những nơi có vùng đất bằng và thung lũng việc chọn địa điểm như vậy sẽ thuận lợi cho việc canh tác lúa nước. Bản của người Thái là một tập hợp các gia đình theo quan hệ láng giềng và tồn tại một số ít việc cư trú theo quan hệ huyết thống. Mỗi bản đều có một trưởng bản do dân bầu ra, đóng vai trò quan trọng, người này có uy tín được dân bản tôn trọng, tham gia vào các nghi lễ cũng như mọi hoạt động trong bản (Trần Bình, 2003).

Người Thái ở Điện Biên nói chung và người Thái ở Huổi Lực, Mường Lay nói riêng có nhà ở là nhà sàn cao ráo và thoáng mát. Ngôi nhà sàn của người Thái chia làm 3 tầng: tầng nền đất phần gầm sàn (làng) là nơi để củi và công cụ làm ruộng, nương... Tầng mặt sàn (hạn hươn) là không gian sinh hoạt cho cả gia đình. Phần mặt sàn đặt bếp để nấu nướng. Phần thứ 3 là phần gác trên quá giang (thạn) là nơi để thóc lúa, những vật dự trữ trong nhà.

Bản làng của người H'Mông trong vài thập kỷ qua có sự thay đổi nhanh chóng, số hộ ở mỗi làng tăng hơn trước rất nhiều. Xưa kia, làng của người H'Mông thường có từ 10 đến 15 hộ, nhiều làng chỉ có 5 đến 7 hộ. Hiện nay, số làng từ 30 đến 50 hộ là phổ biến. Bản làng của người H'Mông ở Huổi Lực phân lớn tập trung ở ven các sườn núi. Bên cạnh khu cư trú, làng nào cũng có đất đai để canh tác và khai thác riêng (rừng

núi, nguồn nước, nghĩa địa). Hiện nay bản làng của người H'Mông quần tụ chủ yếu theo dòng họ, mỗi làng trung bình từ 2 đến 3 họ, làng lớn có 6 đến 7 họ. Tuy cùng sống chung trong một làng nhưng các dòng họ cư trú thành từng cụm riêng gọi là *Y Chua Sính* (Trần Bình, 2003). Như vậy có thể thấy rằng tính cố kết cộng đồng trong đồng bào dân tộc H'Mông là rất cao, vì thế trong công tác thực hiện công việc tái định cư cần tôn trọng tính cố kết cộng đồng của họ.

Nhà ở của đồng bào người H'Mông thường được xây dựng gần nguồn nước, gần nương, đi lại thuận tiện. Ở những nơi địa thế hiểm trở, khi làm nhà, đồng bào phải tính đến những đổi thay của thời tiết như mưa to, gió lớn làm sụt lở đất, đá đè xuống nhà, cửa. Nhà ở của dân tộc H'Mông về cơ bản chia làm hai loại là nhà định cư lâu năm và nhà du cư sống tạm. Cấu trúc chung của ngôi nhà dân tộc H'Mông gồm 3 gian, gian giữa có cửa chính nhìn về phía trước nhà. Đây là gian tiếp khách. Vách sau của gian giữa là chỗ thiêng. Ở gian bên cạnh có giường và bếp. Ở đầu hồi nhà có một cửa phụ nhưng đó mới chính là lối ra vào. Hàng ngày người trong gia đình chủ yếu đi lại bằng cửa này. Nhà của người H'Mông thường có gác nhỏ để chứa lương thực, hoa màu hoặc thực phẩm khô.

Người Dao cũng có truyền thống định canh theo làng, theo bản, sinh sống chủ yếu ở những nơi thấp, gần các sông suối, cư trú khá tập trung. Sinh hoạt theo chế độ phụ hệ, thờ thần linh, gia tiên. Có một số phong tục tập quán như làm nhà thường có một nền đất, một nửa là sàn gỗ. Trong sinh hoạt đời sống có phong tục dùng lá chuối đựng thức ăn thay cho bát. Phụ nữ thường cạo lông mày và bôi mỡ lên trên đầu, khi sinh đẻ thường rất kiêng kỵ (tự để một mình không có bà đỡ, không có người khác giúp (Trần Bình, 2003)

### 3.1.2. Tập quán canh tác của một số dân tộc vùng Tây Bắc.

Người Thái ở bản Huổi Lực huyện Tủa Chùa và ở thị xã Mường Lay có truyền thống là canh tác lúa nước. Ở miền xuôi đã đúc kết kinh nghiệm trồng lúa nước là “nước, phân, cần, giống”, với người Thái thì biện pháp bón phân chưa phải là truyền thống có từ lâu đời, vì chỉ làm ruộng một vụ đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực, do vậy việc cải tạo đất bằng cách bón phân ở đây chưa được đặt ra. Tuy nhiên từ khi tiếp thu được cách làm ruộng từ miền xuôi, người nông dân Thái đã nhanh chóng biến việc canh tác lúa hai vụ thành tập quán của mình.

Do các điểm cư trú ở núi cao nên nguồn lương thực chủ yếu để đảm bảo cuộc sống của người H'Mông là từ canh tác nương rẫy. Trước kia họ thường canh tác theo kiểu du canh du cư, không những năng suất thất thường mà còn làm mất đi một diện tích rừng khá lớn, đất đai ngày càng trở nên cằn cỗi (Trần Đức Viên &cs., 2008). Hiện nay do chủ trương định canh định cư của Nhà nước cùng với nhiều chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số như chương trình Xóa đói giảm nghèo, chương trình 135 của Chính phủ,... nên cuộc sống của người dân có phần ổn định hơn.

Người H'Mông bản huổi Lực cũng phát nương theo hình thức từ thấp lên cao, theo phân công lao động tự nhiên, nam giới dùng búa hạ cây to, phụ nữ, trẻ em chặt cành cây và những cây nhỏ. Theo tập quán, người ta đốt nương ngược chiều gió và thường đốt ở chân đồi, núi cho lửa cháy lan, để tránh cháy rừng. Sau khi đốt xong nếu thấy những cành cây, khúc gỗ nào chưa cháy hết thì gom lại thành từng đống rồi đốt cho cháy hết, chờ vài ngày cho đất nguội, lúc đó công việc tra hạt bắt đầu (Trần Trọng Bình và Phạm Đức Tuấn, 2009). Đối với những nương cũ chỉ cần

dọn và đốt cỏ, rồi cuốc cày để ải qua đông. Vì vậy, người H'Mông thường phải làm sớm hơn đối với nương mới.

Người Dao ở Huổi Lóng sinh sống chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy du canh, du cư. Vì vậy, nguồn lương thực chủ yếu của họ là lúa nương, ngô. Việc canh tác ở đây hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, nhờ nước trời (Trần Bình, 2003). Do đó năng suất ở đây rất thất thường, làm ảnh hưởng không nhỏ tới vấn đề an ninh lương thực. Ngoài ra, còn làm ảnh hưởng tới quá trình thoái hoá đất, diện tích rừng giảm nghiêm trọng. Sản xuất của người dân chủ yếu là tự cung tự cấp, đôi khi nguồn lương thực thiếu trầm trọng. Vì vậy, cần có các chính sách hỗ trợ người dân và tạo dần sự thay đổi tập quán canh tác nương rẫy không phù hợp bằng các mô hình nông lâm kết hợp đã được triển khai ở nhiều nơi.

### 3.2. Thực trạng các khu vực bị ảnh hưởng ngập bởi công trình thủy điện

#### 3.2.1. Xã Huổi Sớ - huyện Tủa Chùa

Tổng diện tích tự nhiên là 6240 ha, trong đó đất nông nghiệp 1156,70 ha, đất phi nông nghiệp 55,64 ha, đất chưa sử dụng 2535,62 ha. Bình quân trên mỗi 1 hộ có 3,65 ha đất sản xuất nông nghiệp, 7,86 ha đất rừng, 8 ha đất chưa sử dụng, trong đó 6,49 ha là đất đồi núi chưa sử dụng, trên 300 m<sup>2</sup> đất ở và 2700 m<sup>2</sup> đất vườn (cây lâu năm). Diện tích đất gieo trồng bình quân mỗi hộ 1,52 ha, trong đó có 0,1 ha lúa nước, bình quân lương thực (chỉ tính thóc và ngô) 201kg/người/năm.

Xã Huổi Sớ có 3 bản sẽ phải di chuyển: Pá Phong, Huổi Lóng và Huổi Ca. Tổng số hộ phải di dời là 97 hộ, 569 khẩu: Huổi Lóng 66 hộ, Pa Phong 13 hộ và Huổi Ca 18 hộ. Trong đó 79 hộ dân 2 bản Huổi Lóng và Pa Phong (người Dao) có nguyện vọng di chuyển về tái định cư Huổi Lóng. Còn 18 hộ dân bản Huổi Ca (người H'Mông) có nguyện vọng di chuyển đi tái định cư huyện Mường Nhé.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất trong hệ canh tác trên đất dốc và lúa nước tại xã Huổi Sô - huyện Tủa Chùa

Kiểu canh tác	Diện tích (ha)	Các phương thức canh tác sử dụng đất	Bình quân 1 hộ (ha)
1. Nương rẫy luân canh	2055,79	Đất nương rẫy du canh quay vòng 2 đến 3 năm, thực tế xếp vào đất đồi núi chưa sử dụng*	6,49
2. Nương rẫy cố định (định canh) hay nương rẫy bỏ trợ	1001,85	Nương rẫy cố định trồng các loại cây như lúa nương, ngô, sắn, đậu tương, lạc, trong năm không trồng toàn bộ diện tích*	3,16
3. Trồng lúa	31,00	Canh tác lúa nước 1 vụ (25 ha), và lúa nước 2 vụ (6 ha)	0,10

Chi chú: \*Theo phương thức canh tác của các tác giả Trần Đức Viên & cs.(2008)

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất trong hệ canh tác trên đất dốc và lúa nước xã Tủa Thành - huyện Tủa Chùa

Kiểu canh tác	Diện tích (ha)	Các phương thức canh tác sử dụng đất	Bình quân 1 hộ (ha)
1. Nương rẫy luân canh	2660,22	Đất nương rẫy du canh quay vòng 2 đến 3 năm, thực tế xếp vào đất đồi núi chưa sử dụng	4,23
2. Nương rẫy cố định (định canh) hay nương rẫy bỏ trợ	1784,92	Nương rẫy cố định trồng các loại cây như lúa nương, ngô, sắn, đậu tương, lạc, trong năm không trồng toàn bộ diện tích	2,84
3. Trồng lúa	84,02	Canh tác lúa nước 1 vụ (31 ha), lúa 2 vụ (53,02 ha)	0,13

Đặc điểm canh tác của người dân tại đây chủ yếu canh tác nương rẫy là chính, trong đó nương rẫy luân canh chiếm phần lớn (Bảng 1). Riêng người Dao sống ven sông Đà, bên cạnh canh tác nương rẫy là chính còn canh tác lúa nước (6ha 2 vụ lúa).

### 3.2.2. Xã Tủa Thành huyện Tủa Chùa

Tại xã Tủa theo số liệu điều tra năm 2005, tổng số dân toàn xã là 629 hộ; 3.946 nhân khẩu; chủ yếu là dân tộc Thái, H'Mông. Trong đó dân tộc H'Mông chiếm 68,42% (423 hộ, 2700 nhân khẩu), dân tộc Thái chiếm 31,58% (206 hộ, 1206 nhân khẩu). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình hàng năm là 2,1%. Mật độ dân cư trung bình là 45 người/km<sup>2</sup>. Bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp mỗi hộ là 3,12 ha, đất lâm nghiệp là 5,71 ha, đất chưa sử dụng là 5,03 ha, trong đó đất đồi núi chưa sử dụng là

4,23 ha, bình quân đất ở 350 m<sup>2</sup> và 1400 m<sup>2</sup> đất vườn (cây lâu năm). Bình quân diện tích gieo trồng mỗi hộ là 1,55 ha, trong đó trồng lúa nước là 0,18 ha.

Dựa vào số liệu bình quân diện tích gieo trồng toàn xã cho thấy người dân ở đây canh tác nương rẫy là chính (Bảng 2). Riêng dân tộc Thái sống ven sông Đà còn sử dụng một số lượng tương đối lớn đất lúa nước (53,02 ha đất 2 vụ lúa cho 206 hộ người Thái).

Xã Tủa Thành sẽ bị ngập 2 bản Pắc Na 1 và Pắc Na 2 với tổng số dân phải di chuyển là 167 hộ, 1012 khẩu. Năm 2006 (thời điểm di chuyển theo kế hoạch dâng nước hàng năm), số dân này di chuyển đến các điểm tái định cư trong xã và 80 hộ di chuyển đến điểm tái định cư Huổi Lực xã Mường Báng cách nơi ở cũ 50km. Toàn bộ số dân bị ngập phải di chuyển ở 2 bản Pắc Na là dân tộc Thái.

### 3.2.3. Thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên

Trên địa bàn thị xã Mường Lay có 11.666 người được phân bổ như sau: Phường Sông Đà: 2.349 người, phường Na Lay: 4.870 người và xã Lay Nưa: 4.447 người. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thị xã là 11255,93 ha, trong đó đất nông nghiệp là 9110,15, đất phi nông nghiệp là 541,47 ha, đất chưa sử dụng là 1604,31 ha. Diện tích đất lúa nước tập trung trong vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của thị xã (lòng chảo Nậm Lay) là 368,46 ha (322,76 ha đất 2 vụ lúa và 45,7 ha đất 1 vụ lúa) chiếm 24,1% diện tích đất cây hàng năm toàn thị xã. Diện tích đất trồng cây hàng năm không có tưới là 1.158,98 ha (gồm 501,57 ha đất nương rẫy và 657,41 ha đất cây hàng năm khác) chiếm 75,9% diện tích đất cây hàng năm toàn thị xã.

Bình quân 1 hộ nông nghiệp có đất sản xuất nông nghiệp là 0,68 ha, đất lâm nghiệp là 3,33 ha chủ yếu rừng phòng hộ, đất chưa sử dụng là 0,71ha, đất ở là 380m<sup>2</sup>, đất vườn là 57

m<sup>2</sup>. Bình quân diện tích gieo trồng mỗi hộ là 0,42 ha, trong đó đất trồng lúa nước là 0,2 ha.

Khác với 2 xã trên, đặc điểm canh tác của dân tộc Thái thị xã Mường Lay canh tác lúa nước là chính, thậm chí là canh tác lúa nước thâm canh cao, không có kiểu canh tác nương rẫy luân canh (Bảng 3).

Như vậy, trên địa bàn huyện Tủa Chùa người H'Mông và người Dao thường sử dụng một diện tích lớn đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng, phần diện tích này để đồng bào thực hiện hình thức canh tác du canh.

Đặc điểm canh tác của dân tộc Thái ngoài những nét chung là canh tác nương rẫy cố định và kết hợp canh tác lúa nước thì ở hai huyện Tủa Chùa và thị xã Mường Lay hình thức canh tác cũng có khác nhau, người Thái ở thị xã Mường Lay bên cạnh canh tác nương rẫy cố định (là phụ) thì canh tác lúa nước có sự thâm canh là chính còn người Thái ở Tủa Chùa thì bên cạnh canh tác lúa nước song nương rẫy vẫn là chính (Bảng 4).

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất trong hệ canh tác trên đất dốc và lúa nước tại thị xã Mường Lay - tỉnh Điện Biên

Kiểu canh tác	Diện tích (ha)	Các phương thức canh tác sử dụng đất	Bình quân 1 hộ (ha)
Nương rẫy cố định (định canh) hay nương rẫy bổ trợ	1158,98	Nương rẫy cố định trồng các loại cây như lúa nương, ngô, sắn, đậu tương, lạc, trong năm không trồng toàn bộ diện tích	0,52
Trồng lúa	368,46	Canh tác lúa nước 2 vụ (322,76 ha)	0,16

Bảng 4. So sánh hiện trạng sử dụng đất ở 3 khu vực bị ngập bởi công trình thủy điện

Kiểu canh tác	Xã Huổi Sô		Xã Tủa Thành		Thị xã Mường Lay	
	Diện tích canh tác	Diện tích gieo trồng	Diện tích canh tác	Diện tích gieo trồng	Diện tích canh tác	Diện tích gieo trồng
1. Nương rẫy luân canh	6,49	1,40	4,23	1,37	0,00	0,22
2. Nương rẫy cố định	3,16		2,84		0,52	
3. Trồng lúa	0,10	0,12	0,13	0,18	0,16	0,20

3.3. Nghiên cứu các điểm tái định cư phục vụ công trình thủy điện Sơn La

3.3.1. Điểm tái định cư xã Huổi Lực - huyện Tủa Chùa

Đất ở đã được chia lô và phân cho các hộ gia đình, song không bố trí hệ thống chuồng

trại chăn nuôi, điều tra 40 hộ thì 100% đều cho rằng diện tích nhỏ hơn nơi ở cũ. Đất trồng lúa theo quy hoạch 2 vụ song hiện tại mới có thể trồng 1 vụ vào mùa mưa, mùa khô không có nước để sản xuất. Đất trồng cây hàng năm khác phần lớn có độ dốc trên 15°, chủ yếu để trồng ngô (Bảng 5).

Bảng 5. Một số chỉ tiêu tại điểm tái định cư Huổi Lực

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diện tích
Bình quân đất SXNN của 1 hộ	ha/hộ	1,64
Bình quân đất lúa nước 2 vụ	ha/hộ	0,00
Bình quân đất lúa nước 1 vụ	ha/hộ	0,24
Bình quân đất nương rẫy trồng màu	ha/hộ	1,20
Bình quân đất trồng cây lâu năm	ha/hộ	0,19
Bình quân đất lâm nghiệp của 1 hộ	ha/hộ	1,46
Bình quân lương thực đầu người	kg/người/năm	290,06

Bảng 6. Một số chỉ tiêu tại điểm Tái định cư Huổi Lóng 2010

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Diện tích
Bình quân đất SXNN của 1 hộ	ha/hộ	1,58
Bình quân đất lúa nước 2 vụ	ha/hộ	0,00
Bình quân đất lúa nước 1 vụ	ha/hộ	0,28
Bình quân đất nương rẫy trồng màu	ha/hộ	1,17
Bình quân đất trồng cây lâu năm	ha/hộ	0,13
Bình quân đất lâm nghiệp của 1 hộ	ha/hộ	5,60
Bình quân lương thực đầu người	kg/người/năm	280,00

Bảng 7. Một số chỉ tiêu tại thị xã Mường Lay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sau khi TĐC
Bình quân đất SXNN của 1 hộ	ha/hộ	0,22
Bình quân đất lúa nước 2 vụ	ha/hộ	0,03
Bình quân đất lúa nước 1 vụ	ha/hộ	0,01
Bình quân đất nương rẫy trồng màu	ha/hộ	0,17
Bình quân đất trồng cây ăn quả lâu năm	ha/hộ	0,01
Bình quân đất lâm nghiệp của 1 hộ	ha/hộ	0,84
Bình quân lương thực đầu người	kg/người/năm	194,00

Thực tế tại điểm tái định cư các chỉ tiêu về đất đai, bình quân lương thực và thu nhập đều khác xa so với quy hoạch, diện tích đất lúa nước 2 vụ hiện tại không có, chủ yếu là đất 1 vụ 0,24 ha/hộ phần diện tích này canh tác chủ yếu nhờ nước trời, bình quân lương thực cao song đây chính là hỗ trợ của nhà nước (Bảng 5).

### 3.3.2. Điểm tái định cư Huổi Lóng - huyện Tủa Chùa

Đất ở đã được chia cho hộ gia đình, các nhà ở xây dựng liền nhau và hầu như không có công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi. Đất sản xuất nông nghiệp thực tế được bố trí ở nhiều nơi có độ dốc trên 25<sup>0</sup>.

Qua bảng 6 ta thấy diện tích đất lúa nước 2 vụ hiện tại không có, chủ yếu là đất 1 vụ 0,28 ha/hộ canh tác nhờ nước trời, diện tích đất lâm nghiệp lớn. Bình quân lương thực cao song đây chính là phần hỗ trợ của nhà nước.

### 3.3.3. Khu tái định cư thị xã Mường Lay

Trong 5 điểm tái định cư, hiện nay mới chỉ hoàn tất điểm tái định cư Nậm Cắn, đất ở bố trí dạng nhà phố, hộ nông nghiệp 200 đến 400 m<sup>2</sup>, hộ phi nông nghiệp 100m<sup>2</sup>, người dân được xác định tiền đền bù và hỗ trợ lương thực để sinh sống, đất sản xuất nông nghiệp và đặc biệt là đất trồng lúa còn rất ít đa phần bị mất do thi công các công trình, một phần do ngập nước.

Bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 0,22 ha/hộ, đất lâm nghiệp là 0,84 ha/hộ rất ít. Số liệu hiện trạng bình quân diện tích, sản lượng lương thực thấp hơn rất nhiều so với trước đây. Diện tích đất trồng lúa nước rất ít, không đáng kể, tại các điểm tái định cư Cơ khí, đồi cao người dân hầu như không có đất trồng lúa, phần diện tích trồng lúa tập trung chủ yếu ở xã Lay Nưa và đang được sử dụng bởi dân sở tại. Bình quân

lương thực còn đảm bảo là do một phần hỗ trợ của nhà nước (Bảng 7).

### Tóm lại

Tại các điểm tái định cư cho thấy người dân có rất ít đất để sản xuất. Người dân tại điểm tái định cư Huổi Lóng chủ yếu là nương rẫy cố định, không có đất nương rẫy luân canh và đất chuyên lúa, người dân điểm tái định cư Huổi Lóng tuy không còn đất chuyên lúa song còn có nhiều đất lâm nghiệp đây là điều kiện thuận lợi để bà con mở rộng diện tích khai hoang thêm nương rẫy và trồng rừng sản xuất. Tại khu tái định cư thị xã Mường Lay người dân tái định cư đã phải chuyển từ canh tác lúa nước sang canh tác nương rẫy cố định với rất ít diện tích.

Nhà ở trong các điểm tái định cư được chia lô, xây dựng nhà ở theo kiểu ô bàn cờ, nhà bít mặt đường như khu đô thị. Nhà ở tại điểm tái định cư huyện Tủa Chùa diện tích từ 400 đến 600 m<sup>2</sup>, nhà ở tại điểm tái định cư thị xã Mường Lay từ 200 đến 400 m<sup>2</sup>.

## 4. KẾT LUẬN

Người dân khi đến tái định cư tại điểm tái định cư mới trên địa bàn huyện Tủa Chùa và thị xã Mường Lay phải làm quen với phương thức canh tác mới không phù hợp với tập quán canh tác tại nơi ở cũ. Tại điểm tái định cư Huyện Tủa Chùa hình thức canh tác chủ yếu là nương rẫy cố định với rất ít diện tích đất sản xuất, bình quân mỗi hộ 1,6 ha, song dân tái định cư ở đây lại có tập quán là canh tác nương rẫy luân canh quay vòng, sử dụng nhiều diện tích bình quân mỗi hộ 3,4 ha. Tại khu tái định cư thị xã Mường Lay hình thức canh tác nương rẫy cố định là chính, không có đất chuyên lúa, song dân tái định cư tại đây lại có tập quán canh tác lúa nước, có sự thâm canh cao.



Cấu trúc bản làng đã bị thay đổi giữa khu vực tái định cư với khu vực dân cư phải di chuyển, cụ thể trong khu tái định cư Huổi Lóng, Huổi Lực huyện Tủa Chùa và khu tái định cư thị xã Mường Lay các hộ dân tập trung hơn, đa phần trên 100 hộ trong 1 điểm dân cư, bình quân diện tích đất ở và vườn thấp, khoảng 300 m<sup>2</sup>/ hộ, điểm tái định cư huyện Tủa Chùa bình quân 500 m<sup>2</sup>/hộ trong khi đó các khu dân cư phải di chuyển thường là ở rải rác 30 đến 50 hộ một bản, bình quân diện tích đất ở và vườn lớn khu vực huyện Tủa Chùa là từ 1750 đến 3000m<sup>2</sup>/hộ, khu vực thị xã Mường Lay khoảng 400 m<sup>2</sup>/hộ.

Hình thức di dân tại chỗ tại điểm tái định cư Huổi Lóng huyện Tủa Chùa được xem là phù hợp với tập quán canh tác của người dân nơi đây vì đa phần nương rẫy cố định và đất phục vụ cho canh tác du canh vẫn còn nguyên vẹn, tuy nhiên cuộc sống nhìn chung vẫn còn rất khó khăn.

Công tác tái định cư hiện nay thực sự chưa chú trọng đến việc đảm bảo phù hợp về phong tục tập quán và tập quán canh tác giữa nơi ở cũ và nơi ở mới dẫn đến việc thực hiện rất khó khăn, cần có chính sách khắc phục kịp thời để người dân có cuộc sống ổn định ở nơi ở mới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Bình (2003). Văn hoá các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc. Trường Đại Văn Hoá Hà Nội.
- Nguyễn Trọng Bình, Phạm Đức Tuấn (2009). Canh tác nông lâm nghiệp bền vững trên đất dốc. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- Trần Đức Viên, A. Terry Rambo & Nguyễn Thanh Lâm (2008). Canh tác nương rẫy tổng hợp một góc nhìn. Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2008), Báo cáo tổng hợp rà soát bổ sung quy hoạch tổng thể di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La, Hà Nội.